ỦY BAN NHÂN DÂN XÃ ĐĂK TƠ VER	CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM Độc lập - Tự do - Hạnh phúc
Số: 76 /QĐ-UBND	*Đăk Tơ Ver, ngày 22 tháng 12 năm 2020*

QUYẾT ĐỊNH
Về việc công bố Hệ thống quản lý chất lượng phù hợp Tiêu chuẩn quốc gia TCVN ISO 9001:2015

CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN XÃ

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Quyết định số 19/2014/QĐ-TTg ngày 05 tháng 3 năm 2014 của Thủ tướng Chính phủ về việc áp dụng Hệ thống quản lý chất lượng theo Tiêu chuẩn quốc gia TCVN ISO 9001:2008 vào hoạt động của các cơ quan, tổ chức thuộc hệ thống hành chính nhà nước;

Căn cứ Quyết định số 680/QĐ-UBND ngày 14 tháng 11 năm 2019 của Ủy ban nhân dân tỉnh Gia Lai về việc ban hành kế hoạch xây dựng, chuyển đổi Hệ thống quản lý chất lượng theo Tiêu chuẩn quốc gia TCVN ISO 9001:2008 sang Tiêu chuẩn quốc gia TCVN ISO 9001:2015 trong các cơ quan, tổ chức thuộc hệ thống hành chính nhà nước của tỉnh Gia Lai giai đoạn 2019 – 2021;

Căn cứ Quyết định số 94/QĐ-UBND ngày 21 tháng 01 năm 2020 của Ủy ban nhân dân huyện về việc ban hành Kế hoạch xây dựng, chuyển đổi Hệ thống quản lý chất lượng theo Tiêu chuẩn quốc gia TCVN ISO 9001:2008 sang Tiêu chuẩn quốc gia TCVN ISO 9001:2015 trong các cơ quan, tổ chức thuộc hệ thống hành chính nhà nước của huyện Chư Păh;

Căn cứ hồ sơ kết quả đánh giá nội bộ và Biên bản họp xem xét lãnh đạo về Hệ thống quản lý chất lượng theo Tiêu chuẩn quốc gia TCVN ISO 9001:2015 ngày 21 tháng 12 năm 2020;

Xét đề nghị của Công chức Văn phòng – Thống kê.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Công bố Hệ thống quản lý chất lượng tại Ủy ban nhân dân xã Đăk Tơ Ver phù hợp Tiêu chuẩn quốc gia TCVN ISO 9001:2015 theo quy định tại Quyết định số 19/2014/QĐ-TTg ngày 05 tháng 3 năm 2014 của Thủ tướng Chính phủ đối với các lĩnh vực hoạt động trong Phụ lục ban hành kèm theo Quyết định này.

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký.

Điều 3. Công chức Văn phòng - Thống kê, Ban chỉ đạo ISO xã, các Bộ phận thuộc Ủy ban nhân dân xã, cơ quan, đơn vị có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:
- Sở KHCN: Chi cục TCĐLCL; } (Để báo cáo)
- UBND huyện: VP HĐND-UBND; } (Để báo cáo)
- Như Điều 3;
- Lưu: VT.

CHỦ TỊCH

Cao Phi Văn

ỦY BAN NHÂN DÂN XÃ ĐĂK TƠ VER	CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

CÁC LĨNH VỰC HOẠT ĐỘNG CỦA ỦY BAN NHÂN DÂN XÃ ĐĂK TƠ VER ĐƯỢC CÔNG BỐ PHÙ HỢP TIÊU CHUẨN QUỐC GIA TCVN ISO 9001:2015

(Ban hành kèm theo Quyết định số 76/QĐ-UBND ngày 22 tháng 12 năm 2020 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân xã Đăk Tơ Ver)

STT	Tên thủ tục hành chính	Quyết định công bố
I. Lĩnh vực Đường thủy nội địa – đường bộ		
1	Thủ tục cấp giấy chứng nhận đăng ký phương tiện lần đầu đối với phương tiện chưa khai thác trên đường thủy nội địa	Quyết định số 975/QĐ-UBND ngày 30/10/2015 của Chủ tịch UBND tỉnh.
2	Thủ tục cấp GCN đăng ký phương tiện lần đầu đối với phương tiện đang khai thác trên đường thủy nội địa	
3	Cấp giấy đăng ký lại phương tiện trong trường hợp chuyển từ cơ quan đăng ký khác sang cơ quan đăng ký phương tiện thủy nội địa	
4	Thủ tục cấp GCN đăng ký lại phương tiện trong trường hợp phương tiện thay đổi tên, tính năng kỹ thuật	
5	Thủ tục cấp GCN đăng ký phương tiện, trường hợp phương tiện chuyển quyền sở hữu nhưng không thay đổi cơ quan đăng ký phương tiện	
6	Thủ tục cấp GCN đăng ký lại phương tiện trong trường hợp phương tiện trong trường hợp phương tiện chuyển quyền sở hữu phương tiện đồng thời thay đổi cơ quan đăng ký phương tiện	
7	Thủ tục cấp GCN đăng ký lại phương tiện trong trường hợp chủ phương tiện thay đổi trụ sở hoặc nơi đăng ký hộ khẩu thường trú của chủ phương tiện sang đơn vị hành chính cấp tỉnh	
8	Thủ tục cấp lại giấy chứng nhận đăng ký phương tiện thủy nội địa	
9	Thủ tục xóa đăng ký phương tiện thủy nội địa	
10	Thủ tục cấp phù hiệu hành nghề vận chuyển hành khách, hàng hóa bằng xe thô sơ, xe gắn máy, xe mô tô hai bánh, xe mô tô ba bánh và các loại xe tương tự. (Thủ tục hành chính đặc thù của tỉnh ban hành)	Quyết định số 1077/QĐ-UBND ngày 26/11/2015 của Chủ tịch UBND tỉnh
II. Lĩnh vực Thủy lợi		
11	Hỗ trợ đầu tư xây dựng phát triển thủy lợi nhỏ, thủy lợi nội đồng và tưới tiên tiến, tiết kiệm nước (Đối với nguồn vốn hỗ trợ trực tiếp, ngân sách địa phương và nguồn hợp pháp khác của địa phương phân bổ dự án cho UBND cấp xã thực hiện)	Quyết định số 1193/QĐ-UBND ngày 29/11/2018 của Chủ tịch UBND tỉnh

STT	Tên thủ tục hành chính	Quyết định công bố
12	Thẩm định, phê duyệt phương án ứng phó thiên tai cho công trình, vùng hạn du đập trong quá trình thi công thuộc thẩm quyền của UBND cấp xã	Quyết định số 1266/QĐ-UBND ngày 26/12/2018 của Chủ tịch UBND tỉnh
13	Thẩm định, phê duyệt phương án ứng phó với tình huống khẩn cấp thuộc thẩm quyền của UBND cấp xã	
III. Lĩnh vực Trồng trọt		
14	Chuyển đổi cơ cấu cây trồng trên đất trồng lúa	Quyết định số 104/QĐ-UBND ngày 21/01/2020 của Chủ tịch UBND tỉnh
IV. Lĩnh vực Nông nghiệp		
15	Phê duyệt kế hoạch khuyến nông địa phương	Quyết định số 384/QĐ-UBND ngày 05/3/2019 của Chủ tịch UBND tỉnh
V. Lĩnh vực phòng chống thiên tai		
16	Đăng ký kê khai số lượng chăn nuôi tập trung và nuôi trồng thủy sản ban đầu	Quyết định số 915/QĐ-UBND ngày 18/9/2019 của Chủ tịch UBND tỉnh
17	Hỗ trợ khôi phục sản xuất vùng bị thiệt hại do dịch bệnh	
18	Hỗ trợ khôi phục sản xuất vùng bị thiệt hại do thiên tai	
VI. Lĩnh vực Đất đai – Môi trường		
19	Đề nghị miễn, giảm tiền sử dụng đất đối với người có công với cách mạng (Thủ tục hành chính đặc thù của tỉnh ban hành)	Quyết định số 798/QĐ-UBND ngày 31/8/2017 của Chủ tịch UBND tỉnh
20	Hoà giải tranh chấp đất đai	Quyết định số 591/QĐ-UBND ngày 28/5/2018 của Chủ tịch UBND tỉnh
21	Xác nhận hợp đồng tiếp nhận nguồn gen và chia sẻ lợi ích	Quyết định số 591/QĐ-UBND ngày 28/5/2018 của Chủ tịch UBND tỉnh.
VII. Lĩnh vực Tư pháp		
22	Liên thông thủ tục hành chính về đăng ký khai sinh, đăng ký thường trú, cấp thẻ BHYT cho trẻ em dưới 6 tuổi	Quyết định số 1023/QĐ-UBND ngày 11/11/2015 của Chủ tịch UBND tỉnh.
23	Liên thông thủ tục hành chính về đăng ký khai sinh, cấp thẻ BHYT cho trẻ em dưới 6 tuổi	
24	Đăng ký khai tử và xóa đăng ký thường trú đối với người chết có đăng ký thường trú tại tỉnh Gia Lai	
25	Đăng ký khai sinh	Quyết định số 890/QĐ-UBND ngày 18/9/2020 của Chủ tịch UBND tỉnh.

STT	Tên thủ tục hành chính	Quyết định công bố
26	Đăng ký khai tử	Quyết định số 890/QĐ-UBND ngày 18/9/2020 của Chủ tịch UBND tỉnh
27	Đăng ký khai sinh lưu động	Quyết định số 890/QĐ-UBND ngày 18/9/2020 của Chủ tịch UBND tỉnh
28	Đăng ký khai tử lưu động	Quyết định số 890/QĐ-UBND ngày 18/9/2020 của Chủ tịch UBND tỉnh
29	Đăng ký khai sinh có yếu tố nước ngoài tại khu vực biên giới	Quyết định số 890/QĐ-UBND ngày 18/9/2020 của Chủ tịch UBND tỉnh
30	Đăng ký kết hôn có yếu tố nước ngoài tại khu vực biên giới	Quyết định số 890/QĐ-UBND ngày 18/9/2020 của Chủ tịch UBND tỉnh
31	Đăng ký khai tử có yếu tố nước ngoài tại khu vực biên giới	Quyết định số 890/QĐ-UBND ngày 18/9/2020 của Chủ tịch UBND tỉnh
32	Đăng ký giám hộ	Quyết định số 890/QĐ-UBND ngày 18/9/2020 của Chủ tịch UBND tỉnh
33	Đăng ký chấm dứt giám hộ	Quyết định số 890/QĐ-UBND ngày 18/9/2020 của Chủ tịch UBND tỉnh
34	Thay đổi, cải chính, bổ sung hộ tịch.	Quyết định số 890/QĐ-UBND ngày 18/9/2020 của Chủ tịch UBND tỉnh.
35	Cấp giấy xác nhận tình trạng hôn nhân	Quyết định số 890/QĐ-UBND ngày 18/9/2020 của Chủ tịch UBND tỉnh.
36	Đăng ký lại khai sinh	Quyết định số 890/QĐ-UBND ngày 18/9/2020 của Chủ tịch UBND tỉnh.
37	Đăng ký khai sinh cho người đã có hồ sơ, giấy tờ cá nhân	Quyết định số 890/QĐ-UBND ngày

STT	Tên thủ tục hành chính	Quyết định công bố
		18/9/2020 của Chủ tịch UBND tỉnh.
38	Đăng ký lại khai tử	Quyết định số 890/QĐ-UBND ngày 18/9/2020 của Chủ tịch UBND tỉnh.
39	Cấp bản sao trích lục hộ tịch	Quyết định số 888/QĐ-UBND ngày 18/9/2020 của Chủ tịch UBND tỉnh.
40	Đăng ký kết hôn	Quyết định số 890/QĐ-UBND ngày 18/9/2020 của Chủ tịch UBND tỉnh.
41	Đăng ký nhận cha, mẹ, con	Quyết định số 890/QĐ-UBND ngày 18/9/2020 của Chủ tịch UBND tỉnh
42	Đăng ký khai sinh kết hợp đăng ký nhận cha, mẹ, con	Quyết định số 890/QĐ-UBND ngày 18/9/2020 của Chủ tịch UBND tỉnh
43	Đăng ký kết hôn lưu động	Quyết định số 890/QĐ-UBND ngày 18/9/2020 của Chủ tịch UBND tỉnh
44	Đăng ký nhận cha, mẹ, con có yếu tố nước ngoài tại khu vực biên giới	Quyết định số 890/QĐ-UBND ngày 18/9/2020 của Chủ tịch UBND tỉnh
45	Đăng ký lại kết hôn	Quyết định số 890/QĐ-UBND ngày 18/9/2020 của Chủ tịch UBND tỉnh
46	Đăng ký lại việc nuôi con nuôi trong nước	Quyết định số 542/QĐ-UBND ngày 02/6/2017 của Chủ tịch UBND tỉnh.
47	Đăng ký việc nuôi con nuôi trong nước	Quyết định số 604/QĐ-UBND ngày 03/6/2019 của Chủ tịch UBND tỉnh.
48	Giải quyết việc người nước ngoài cư trú ở khu vực biên giới nước láng giềng nhận trẻ em Việt Nam làm con nuôi	Quyết định số 542/QĐ-UBND ngày 02/6/2017 của Chủ tịch UBND tỉnh.

STT	Tên thủ tục hành chính	Quyết định công bố
49	Cấp bản sao từ sổ gốc	Quyết định số 588/QĐ-UBND ngày 25/5/2018 của Chủ tịch UBND tỉnh.
50	Chứng thực bản sao từ bản chính giấy tờ, văn bản do cơ quan tổ chức có thẩm quyền của Việt Nam cấp hoặc chứng nhận Phí: 2.000 đồng/ trang, từ trang thứ 3 trở lên thu 1.000 đồng/ trang tối đa không thu quá 200.000 đồng/ bản	Quyết định số 563/QĐ-UBND ngày 19/6/2020 của Chủ tịch UBND tỉnh.
51	Chứng thực chữ ký trong các giấy tờ, văn bản (áp dụng cho cả trường hợp chứng thực điểm chỉ và trường hợp người yêu cầu chứng thực không thể ký, điểm chỉ được) Phí: 100.000 đồng	
52	Chứng thực việc sửa đổi, bổ sung, hủy bỏ hợp đồng, giao dịch Phí: 30.000 đồng	
53	Sửa lỗi sai sót trong hợp đồng, giao dịch Phí: 30.000 đồng	
54	Cấp bản sao có chứng thực từ bản chính hợp đồng, giao dịch đã được chứng thực Phí: 2.000 đồng/ trang, từ trang thứ 3 trở lên thu 1.000 đồng/ trang tối đa không thu quá 200.000 đồng/ bản	
55	Chứng thực hợp đồng, giao dịch liên quan đến tài sản là động sản, quyền sử dụng đất, nhà ở Phí: 50.000 đồng	
56	Chứng thực văn bản từ chối nhận di sản Phí: 50.000 đồng	
57	Chứng thực văn bản thỏa thuận phân chia di sản mà di sản là động sản, quyền sử dụng đất, nhà ở Phí: 50.000 đồng	Quyết định số 563/QĐ-UBND ngày 19/6/2020 của Chủ tịch UBND tỉnh.
58	Chứng thực văn bản khai nhận di sản mà di sản là động sản, quyền sử dụng đất, nhà ở Phí: 50.000 đồng	
59	Chứng thực di chúc Phí: 50.000 đồng	
60	Công nhận hòa giải viên	Quyết định số 966/QĐ-UBND ngày 20/9/2018 của Chủ tịch UBND tỉnh.
61	Công nhận tổ trưởng tổ hòa giải	
62	Thôi làm hòa giải viên	
63	Thanh toán thù lao cho hòa giải viên	
64	Công nhận tuyên truyền viên pháp luật	Quyết định số 736/QĐ-UBND ngày 26/7/2018 của Chủ tịch UBND tỉnh.
65	Miễn nhiệm tuyên truyền viên pháp luật	Quyết định số 736/QĐ-UBND ngày 26/7/2018 của Chủ tịch UBND tỉnh.
66	Giải quyết yêu cầu bồi thường tại cơ quan trực tiếp quản lý người thi hành công vụ gây thiệt hại	Quyết định số 710/QĐ-UBND ngày 20/7/2018 của Chủ tịch UBND tỉnh.

STT	Tên thủ tục hành chính	Quyết định công bố
VIII. Lĩnh vực Dân tộc		
67	Xác định thôn đặc biệt khó khăn, xã thuộc vùng dân tộc miền núi giai đoạn 2016-2020	Quyết định số 156/QĐ-UBND ngày 20/2/2017 của Chủ tịch UBND tỉnh.
68	Đưa ra khỏi danh sách người có uy tín trong đồng bào dân tộc thiểu số	Quyết định số 723/QĐ-UBND ngày 24/7/2018 của Chủ tịch UBND tỉnh.
69	Công nhận người có uy tín trong đồng bào dân tộc thiểu số	Quyết định số 723/QĐ-UBND ngày 24/7/2018 của UBND tỉnh
IX. Lĩnh vực Thi đua – Khen thưởng và Tôn giáo		
70	Tặng giấy khen của Chủ tịch UBND cấp xã về thành tích xuất sắc trong thực hiện nhiệm vụ chính trị	Quyết định số 1122/QĐ-UBND ngày 09/11/2018 của Chủ tịch UBND tỉnh.
71	Xét tặng danh hiệu Lao động tiên tiến	
72	Tặng giấy khen của Chủ tịch UBND cấp xã về thành tích thi đua theo đợt hoặc chuyên đề	
73	Tặng giấy khen của Chủ tịch UBND cấp xã về thành tích đột xuất	
74	Tặng giấy khen của Chủ tịch UBND cấp xã cho gia đình	
75	Xét tặng danh hiệu vinh danh Nhà nước "Bà mẹ Việt Nam anh hùng"	Quyết định số 08/QĐ-UBND ngày 04/01/2019 của Chủ tịch UBND tỉnh.
76	Xét truy tặng danh hiệu vinh dự Nhà nước "Bà mẹ Việt Nam anh hùng"	
77	Đăng ký hoạt động tín ngưỡng	Quyết định số 498/QĐ-UBND ngày 03/5/2018 của Chủ tịch UBND tỉnh.
78	Đăng ký bổ sung hoạt động tín ngưỡng	
79	Đăng ký sinh hoạt tôn giáo tập trung	
80	Thông báo danh mục hoạt động tôn giáo đối với tổ chức có địa bàn hoạt động tôn giáo ở một xã	
81	Thông báo danh mục hoạt động tôn giáo bổ sung đối với tổ chức có địa bàn hoạt động tôn giáo ở một xã	
82	Đăng ký thay đổi người đại diện của nhóm sinh hoạt tôn giáo tập trung	
83	Đề nghị thay đổi địa điểm sinh hoạt tôn giáo tập trung trong địa bàn một xã	
84	Đề nghị thay đổi địa điểm sinh hoạt tôn giáo tập trung đến địa bàn xã khác	
85	Thông báo về việc thay đổi địa điểm sinh hoạt tôn giáo tập trung	
86	Thông báo tổ chức quyên góp trong địa bàn một xã của cơ sở tín ngưỡng, tổ chức tôn giáo, tổ chức tôn giáo trực thuộc	

STT	Tên thủ tục hành chính	Quyết định công bố
X. Lĩnh vực Văn hóa – Lễ hội - Thể dục thể thao		
87	Xét tặng danh hiệu Gia đình văn hóa hàng năm	Quyết định số 242/QĐ-UBND ngày 25/02/2020 của Chủ tịch UBND tỉnh.
88	Xét tặng Giấy khen Gia đình văn hóa	
89	Thông báo tổ chức lễ hội cấp xã	
90	Công nhận câu lạc bộ thể thao cơ sở	
XI. Lĩnh vực Thư viện		
91	Thông báo thành lập thư viện đối với thư viện cộng đồng	Quyết định số 1020/QĐ-UBND ngày 30/10/2020 của Chủ tịch UBND tỉnh.
92	Thông báo sáp nhập, hợp nhất, chia, tách thư viện đối với thư viện cộng đồng	
93	Thông báo chấm dứt hoạt động thư viện cộng đồng	
XII. Lĩnh vực Khiếu nại, tố cáo, tiếp công dân		
94	Xử lý đơn tại cấp xã	Quyết định số 174/QĐ-UBND ngày 21/02/2017 của Chủ tịch UBND tỉnh.
95	Giải quyết khiếu nại lần đầu tại cấp xã	Quyết định số 174/QĐ-UBND ngày 21/02/2017 của Chủ tịch UBND tỉnh.
96	Giải quyết tố cáo tại cấp xã	Quyết định số 594/QĐ-UBND ngày 02/7/2020 của Chủ tịch UBND tỉnh.
97	Tiếp công dân tại cấp xã	Quyết định số 174/QĐ-UBND ngày 21/02/2017 của Chủ tịch UBND tỉnh.
XIII. Lĩnh vực Giáo dục và Đào tạo		
98	Cho phép cơ sở giáo dục khác thực hiện chương trình giáo dục tiểu học	Quyết định số 418/QĐ-UBND ngày 20/3/2019 của Chủ tịch UBND tỉnh.
99	Thành lập nhóm trẻ, lớp mẫu giáo độc lập	
100	Cho phép nhóm trẻ, lớp mẫu giáo độc lập hoạt động giáo dục trở lại	
101	Sáp nhập, chia, tách nhóm trẻ, lớp mẫu giáo độc lập	
102	Giải thể nhóm trẻ, lớp mẫu giáo độc lập (theo yêu cầu của tổ chức, cá nhân đề nghị thành lập)	Quyết định số 806/QĐ-UBND ngày 07/8/2018 của Chủ tịch UBND tỉnh.
103	Cấp học bổng và hỗ trợ kinh phí mua phương tiện, đồ dùng học tập dùng riêng cho người khuyết tật học tại các cơ sở giáo	Quyết định số 806/QĐ-UBND ngày

STT	Tên thủ tục hành chính	Quyết định công bố
	dục	07/8/2018 của UBND tỉnh.
XIV.	**Lĩnh vực Dân số**	
104	Xét hưởng chính sách hỗ trợ cho đối tượng sinh con đúng chính sách dân số	Quyết định số 564/QĐ-UBND ngày 15/5/2019 của Chủ tịch UBND tỉnh.
XV.	**Lĩnh vực Công sản**	
105	Quyết định mua sắm tài sản công có giá trị dưới 100 triệu đồng trên một gói mua sắm để phục vụ hoạt động của cơ quan, tổ chức, đơn vị trong trường hợp không phải lập thành dự án đầu tư	Quyết định số 997/QĐ-UBND ngày 28/9/2018 của Chủ tịch UBND tỉnh.
106	Quyết định chuyển đổi công năng sử dụng tài sản công trong trường hợp không thay đổi đối tượng quản lý, sử dụng tài sản công	
107	Quyết định bán tài sản công	
108	Quyết định bán tài sản công cho người duy nhất theo quy định tại khoản 2 Điều 25 Nghị định số 151/2017/NĐ-CP ngày 26/12/2017 của Chính phủ	
109	Quyết định hủy bỏ quyết định bán đấu giá tài sản công	
110	Quyết định thanh lý tài sản công	
111	Quyết định tiêu hủy tài sản công	
112	Quyết định xử lý tài sản công trong trường hợp bị mất, bị hủy hoại	
XVI.	**Lĩnh vực Chính sách**	
113	giải quyết chế độ hỗ trợ và cấp GCN đối với người tham gia kháng chiến, chiến tranh bảo vệ Tổ quốc và làm nhiệm vụ quốc tế đang định cư ở nước ngoài ủy quyền cho thân nhân ở trong nước kê khai, nhận chế độ	Quyết định số 1007/QĐ-UBND ngày 02/10/2018 của Chủ tịch UBND tỉnh.
114	giải quyết chế độ hưu trí đối với quân nhân trực tiếp tham gia kháng chiến chống Mỹ cứu nước từ ngày 30/4/1975 trở về trước có 20 năm trở lên phục vụ quân đội đã được phục viên, xuất ngũ	Quyết định số 08/QĐ-UBND ngày 04/01/2019 của Chủ tịch UBND tỉnh
115	giải quyết chế độ một lần đối với thân nhân của quân nhân trực tiếp tham gia kháng chiến chống Mỹ cứu nước từ ngày 30/4/1975 trở về trước có 20 năm trở lên phục vụ quân đội đã phục viên, xuất ngũ từ trần	
116	giải quyết chế độ trợ cấp một lần, cấp giấy chứng nhận đối với dân công hỏa tuyến tham gia kháng chiến chống Pháp, chống Mỹ chiến tranh bảo vệ Tổ quốc và làm nhiệm vụ quốc tế	
117	Thủ tục giải quyết chế độ hưu trí đối với quân nhân, người làm công tác cơ yếu, nhập ngũ sau ngày 30/4/1975, trực tiếp tham gia chiến tranh bảo vệ Tổ quốc và làm nhiệm vụ quốc tế,	

STT	Tên thủ tục hành chính	Quyết định công bố
	có từ đủ 20 năm trở lên phục vụ trong quân đội, cơ yếu là phục viên, xuất ngũ, thôi việc	
118	giải quyết chế độ trợ cấp một lần đối với quân nhân, người làm công tác cơ yếu hưởng lương như đối với quân nhân, công an nhân dân nhập ngũ sau ngày 30/4/1975, trực tiếp tham gia chiến tranh bảo vệ Tổ Quốc và làm nhiệm vụ quốc tế có từ đủ 20 năm trở lên phục vụ trong quân đội, cơ yếu đã phục viên, xuất ngũ, thôi việc (đối tượng từ trần)	Quyết định số 08/QĐ-UBND ngày 04/01/2019 của Chủ tịch UBND tỉnh
119	giải quyết chế độ trợ cấp hàng tháng đối với quân nhân , người làm công tác cơ yếu, nhập ngũ, tuyển dụng sau ngày 30/4/1975, tham gia chiến tranh bảo vệ Tổ quốc và làm nhiệm vụ Quốc tế có đủ từ 15 năm đến 20 năm công tác thực tế trong quân đội đã phục viên, xuất ngũ, thôi việc	
120	giải quyết chế độ phụ cấp một lần đối với quân nhân, người làm công tác cơ yếu hưởng lương như đối với quân nhân, công an nhân dân; công nhân viên chức quốc phòng; dân quân tự vệ trực tiếp tham gia chiến tranh bảo vệ Tổ quốc và làm nhiệm vụ quốc tế sau ngày 30/4/1975, có dưới 15 năm công tác đã phục viên, xuất ngũ, thôi việc (đối tượng thuộc thẩm quyền giải quyết của Bộ Quốc phòng)	
121	giải quyết chế độ trợ cấp một lần đối với quân nhân, người làm công tác cơ yếu hưởng lương như đối với quân nhân, công an nhân dân; công nhân viên chức quốc phòng, dân quân tự vệ trực tiếp tham gia chiến tranh bảo vệ Tổ Quốc và làm nhiệm vụ quốc tế sau ngày 30/4/1975 đã phục viên, xuất ngũ, thôi việc (đối tượng đã từ trần) do Bộ Quốc phòng giải quyết	
122	giải quyết trợ cấp một lần đối với công nhân viên chức nhà nước, chuyên gia các ngành, cán bộ xã phường thị trấn; công an xã, thanh niên xung phong trực tiếp tham gia chiến tranh bảo vệ Tổ quốc và làm nhiệm vụ quốc tế sau ngày 30/4/1975 đã thôi việc, đã về gia đình (đối tượng thuộc thẩm quyền giải quyết)	
123	giải quyết chế độ trợ cấp một lần đối với công nhân viên chức nhà nước, chuyên gia các ngành; cán bộ xã phường thị trấn; công an xã, thanh niên xung phong trực tiếp tham gia chiến tranh bảo vệ Tổ quốc và làm nhiệm vụ quốc tế sau ngày 30/4/1975 đã thôi việc, đã về gia đình (đối với đối tượng đã từ trần) thuộc thẩm quyền giải quyết của UBND cấp tỉnh	
124	xác nhận liệt sĩ đối với những trường hợp hy sinh từ 31/12/1994 trở về trước	
125	xác nhận đối với người bị thương đã chuyển ra ngoài quân đội chưa được giám định thương tật	
126	xác nhận liệt sĩ đối với trường hợp mất tin, mất tích quy định tại Điểm K Khoản 1 Điều 17 của Nghị định số 31/2013/NĐ-CP sau khi cơ quan có thẩm quyền kết luận chưa có chứng cứ phản bội, đầu hàng, chiêu hồi, đào ngũ	Quyết định số 08/QĐ-UBND ngày 04/01/2019 của Chủ tịch UBND tỉnh

STT	Tên thủ tục hành chính	Quyết định công bố
127	cấp lại hồ sơ và giải quyết truy lĩnh trợ cấp thương tật đối với thương binh ngừng hưởng do khách quan hoặc thất lạc hồ sơ	
128	xác nhận đối với quân nhân đã xuất ngũ bị bệnh tái phát dẫn đến tâm thần quy định tại Điểm h Khoản 1 Điều 33 của Nghị định số 31/2013/NĐ-CP	
XVII. Lĩnh vực Nghĩa vụ Quân sự		
129	Đăng ký nghĩa vụ quân sự lần đầu	Quyết định số 08/QĐ-UBND ngày 04/01/2019 của Chủ tịch UBND tỉnh.
130	Đăng ký phục vụ trong ngạch dự bị	
131	Đăng ký nghĩa vụ quân sự bổ sung	
132	Đăng ký nghĩa vụ quân sự chuyển đi khi thay đổi nơi cư trú hoặc nơi làm việc, học tập	
133	Đăng ký nghĩa vụ quân sự chuyển đến khi thay đổi nơi cư trú hoặc nơi làm việc, học tập	
134	Đăng ký nghĩa vụ quân sự tạm vắng	
135	Đăng ký miễn gọi nhập ngũ thời chiến	
XVIII. Lĩnh vực Lao động, Thương binh và Xã hội		
136	Thực hiện chế độ trợ cấp một lần đối với thân nhân người hoạt động kháng chiến được tặng huân chương, huy chương chết trước ngày 01 tháng 01 năm 1995 mà chưa được hưởng chế độ ưu đãi	Quyết định số 694/QĐ-UBND ngày 11/7/2019 của Chủ tịch UBND tỉnh
137	Chuyển trẻ em đang được chăm sóc thay thế tại cơ sở trợ giúp xã hội đến cá nhân, gia đình nhận chăm sóc thay thế	Quyết định số 888/QĐ-UBND ngày 21/8/2018 của Chủ tịch UBND tỉnh.
138	Thông báo nhận chăm sóc thay thế cho trẻ em đối với cá nhân, người đại diện gia đình nhận chăm sóc thay thế là người thân thích của trẻ em	
139	Đăng ký nhận chăm sóc thay thế cho trẻ em đối với cá nhân, người đại diện gia đình nhận chăm sóc thay thế không phải là người thân thích của trẻ em	
140	Phê duyệt kế hoạch hỗ trợ, can thiệp đối với trẻ em bị xâm hại hoặc có nguy cơ bị bạo lực, bóc lột, bỏ rơi và trẻ em có hoàn cảnh đặc biệt	Quyết định số 888/QĐ-UBND ngày 21/8/2018 của Chủ tịch UBND tỉnh.
141	giải quyết chế độ đối với thân nhân liệt sĩ	Quyết định số 165/QĐ-UBND ngày 27/2/2015 của Chủ tịch UBND tỉnh.
142	giải quyết trợ cấp tiền tuất hàng tháng cho thân nhân khi người có công từ trần	Quyết định số 165/QĐ-UBND ngày 27/2/2015 của Chủ tịch UBND tỉnh.

STT	Tên thủ tục hành chính	Quyết định công bố
143	hưởng mai táng phí, trợ cấp một lần khi người có công với cách mạng từ trần	Quyết định số 165/QĐ-UBND ngày 27/2/2015 của Chủ tịch UBND tỉnh.
144	thực hiện chế độ ưu đãi trong giáo dục đào tạo đối với người có công với cách mạng và con của họ	Quyết định số 431/QĐ-UBND ngày 28/7/2009 của Chủ tịch UBND tỉnh.
145	Xác nhận vào đơn đề nghị di chuyển hài cốt liệt sĩ; đơn đề nghị thăm viếng mộ liệt sĩ	Quyết định số 544/QĐ-UBND ngày 15/7/2014 của Chủ tịch UBND tỉnh.
146	Xác định, xác định lại mức độ khuyết tật và cấp Giấy xác nhận khuyết tật	Quyết định số 883/QĐ-UBND ngày 20/9/2016 của Chủ tịch UBND tỉnh.
147	Đăng ký hoạt động đối với cơ sở trợ giúp xã hội dưới 10 đối tượng có hoàn cảnh khó khăn	Quyết định số 514/QĐ-UBND ngày 08/5/2018 của Chủ tịch UBND tỉnh.
148	Trợ giúp xã hội đột xuất về hỗ trợ làm nhà ở, sửa chữa nhà ở	Quyết định số 883/QĐ-UBND ngày 20/9/2016 của Chủ tịch UBND tỉnh.
149	Trợ giúp xã hội đột xuất về hỗ trợ chi phí mai táng	
150	Đổi, cấp lại Giấy xác nhận khuyết tật	
151	Công nhận hộ nghèo, công nhận hộ cận nghèo phát sinh trong năm	Quyết định số 431/QĐ-UBND ngày 28/7/2009 của Chủ tịch UBND tỉnh
152	Quyết định quản lý cai nghiện ma túy tự nguyện tại gia đình (thủ tục bổ sung)	Quyết định số 888/QĐ-UBND ngày 21/8/2018 của Chủ tịch UBND tỉnh
153	Quyết định cai nghiện ma túy tự nguyện tại cộng đồng (thủ tục bổ sung)	
154	Thủ tục "Hỗ trợ học văn hóa, học nghề, trợ cấp khó khăn ban đầu cho nạn nhân"	
155	Xác nhận hộ gia đình làm nông nghiệp, lâm nghiệp, ngư nghiệp và diêm nghiệp có mức sống trung bình giai đoạn 2016-2020 thuộc diện đối tượng được ngân sách nhà nước hỗ trợ đóng bảo hiểm y tế	Quyết định số 1137/QĐ-UBND ngày 05/12/2019 của Chủ tịch UBND tỉnh
156	Công nhận hộ thoát nghèo, hộ thoát cận nghèo trong năm	
157	Ủy quyền hưởng trợ cấp, phụ cấp ưu đãi	
158	Trợ cấp hàng tháng đối với thanh niên xung phong đã hoàn thành nhiệm vụ trong kháng chiến	Quyết định số 1136/QĐ-UBND

STT	Tên thủ tục hành chính	Quyết định công bố
159	Trợ cấp một lần đối với thanh niên xung phong đã hoàn thành nhiệm vụ trong kháng chiến	ngày 05/12/2019 của Chủ tịch UBND tỉnh
160	Tiếp nhận đối tượng là người chưa thành niên không có nơi cư trú ổn định bị áp dụng biện pháp giáo dục tại xã, phường, thị trấn vào cơ sở trợ giúp trẻ em	
161	xác nhận thương binh, người hưởng chính sách như thương binh đối với người bị thương không thuộc lực lượng công an, quân đội trong chiến tranh từ ngày 31/12/1991 trở về trước không còn giấy tờ	
162	Thủ tục bổ sung tình hình thân nhân trong hồ sơ liệt sĩ	
XIX. Lĩnh vực An toàn đập, hồ chứa thủy điện		
163	Thẩm định, phê duyệt phương án ứng phó thiên tai cho công trình vùng hạ du đập thủy điện thuộc thẩm quyền phê duyệt của Ủy ban nhân dân cấp xã	Quyết định số 574/QĐ-UBND ngày 22/5/2019 của Chủ tịch UBND tỉnh
164	Thẩm định, phê duyệt phương án ứng phó với tình huống khẩn cấp hồ chứa thủy điện thuộc thẩm quyền phê duyệt của Ủy ban nhân dân cấp xã	
XX. Lĩnh vực Bồi thường nhà nước		
165	Yêu cầu bồi thường tại cơ quan trực tiếp quản lý người thi hành công vụ gây thiệt hại	Quyết định số 710/QĐ-UBND ngày 26/7/2018 của Chủ tịch UBND tỉnh
XXI. Lĩnh vực thành lập và hoạt động của tổ hợp tác		
166	Thông báo thành lập tổ hợp tác	Quyết định số 1128/QĐ-UBND ngày 04/12/2019 của Chủ tịch UBND tỉnh
167	Thông báo thay đổi tổ hợp tác	
168	Thông báo chấm dứt hoạt động của tổ hợp tác	
XXII. Chính sách hỗ trợ cho người dân do đại dịch Covid 19		
169	Hỗ trợ kinh doanh phải tạm ngừng kinh doanh do đại dịch covid 19	Quyết định số 510/QĐ-UBND ngày 25/5/2020 của Chủ tịch UBND tỉnh
170	Hỗ trợ người lao động bị chấm dứt hợp đồng lao động, hợp đồng làm việc do đại dịch covid 19 nhưng không đủ điều kiện hưởng trợ cấp thất nghiệp	
171	Hỗ trợ người lao động không có giao kết hợp đồng lao động bị mất việc làm do đại dịch covid 19	
XXIII. Lĩnh vực Thuế		

STT	Tên thủ tục hành chính	Quyết định công bố
172	Kê khai, thẩm định tờ khai phí bảo vệ môi trường đối với nước thải	Quyết định số 870/QĐ-UBND ngày 15/9/2020 của Chủ tịch UBND tỉnh
XXIV. Lĩnh vực Khoa học công nghệ và Môi trường		
173	Xác nhận Hợp đồng tiếp cận nguồn gen và chia sẻ lợi ích (đối với nguồn gen của giống cây trồng, giống vật nuôi, giống thủy sản và giống cây lâm nghiệp)	Quyết định số 864/QĐ-UBND ngày 11/9/2020 của Chủ tịch UBND tỉnh
XXV. Lĩnh vực sức khỏe và bà mẹ (Thủ tục không nhận tại 1 cửa)		
174	Cấp giấy chứng sinh cho trường hợp trẻ được sinh ra tại nhà hoặc tại nơi khác mà không phải cơ sở khám chữa bệnh	Quyết định số 329/QĐ-UBND ngày 23/3/2020

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN XÃ
CHỦ TỊCH

Cao Phi Văn

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

BẢN CÔNG BỐ

ỦY BAN NHÂN DÂN XÃ ĐĂK TƠ VER, HUYỆN CHƯ PĂH, TỈNH GIA LAI

Công bố Hệ thống quản lý chất lượng tại Ủy ban nhân dân xã Đăk Tơ ver, huyện Chư Păh, tỉnh Gia Lai phù hợp Tiêu chuẩn quốc gia TCVN ISO 9001:2015 đối với các hoạt động thuộc phạm vi quản lý nhà nước và giải quyết thủ tục hành chính của Ủy ban nhân dân xã

(Theo phụ lục ban hành kèm theo Quyết định số 76 /QĐ-UBND ngày 22 tháng 12 năm 2020 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân xã Đăk Tơ ver)

Bản công bố này có hiệu lực kể từ ngày ban hành./.

Đăk Tơ Ver, ngày 22 tháng 12 năm 2020

CHỦ TỊCH

Cao Phi Văn